

## LUẬN KINH THẬP ĐỊA QUYỂN 8

### Địa 6: ĐỊA HIỆN TIÊN

**Luận:** Như trong Địa thứ năm, có ba phần sai biệt:

1. Phần thắng do đối trị mạn.
2. Phần thắng do hành đạo không trú.
3. Phần thắng của quả ấy.

Địa thứ sáu cũng như vậy, nên biết là thắng ấy đã chuyển sang.

Thế nào là thắng? Trong Địa thứ tư đã nói về ngã mạn của chúng sinh, lãnh hội pháp để đối trị mạn. Nơi Địa thứ năm đã nói về phân biệt thân thanh tịnh, đối trị mạn. Nay Địa thứ sáu là nói về: Phân biệt dùng pháp nhiếp-tịnh để đối trị mạn, do mười pháp bình đẳng.

**Kinh:** “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã khéo hành trì đầy đủ đạo của Địa thứ năm, muốn đi vào Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát thì phải dùng mười pháp bình đẳng. Những gì là mười? Đó là:

1. Bình đẳng với tất cả pháp vô tướng.
  2. Bình đẳng với tất cả pháp vô tưởng.
  3. Bình đẳng với tất cả pháp vô sinh.
  4. Bình đẳng với tất cả pháp không thành.
  5. Bình đẳng với tất cả pháp tịch tĩnh.
  6. Bình đẳng với tất cả pháp bản tịnh.
  7. Bình đẳng với tất cả pháp không hý luận.
  8. Bình đẳng với tất cả pháp không lấy-bỏ.
  9. Bình đẳng với tất cả pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, trắng trong nước, bóng nơi gương, dợn nắng.
  10. Bình đẳng với tất cả pháp có-không mà không hai.
- Bồ-tát ấy, quán xét tướng của hết thấy các pháp như vậy, dứt trừ

mọi cấu nhiễm, tùy thuận, không phân biệt, cho nên được tiến vào địa Hiện tiền là Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát, đạt được Nhẫn thuận sáng tỏ thông suốt, chưa đạt được pháp Nhẫn vô sinh”.

**Luận:**

Phân biệt dùng pháp nhiễm-tịnh để đối trị mạn; tức là mười pháp bình đẳng. Trong đó, tất cả pháp vô tướng cho đến tất cả pháp có không, không hai đều bình đẳng, là mười hai nhập thuộc tự tánh của tất cả pháp vô tướng bình đẳng.

Lại nữa, phân biệt tướng đối trị có chín loại:

1. Tướng của tự tướng nơi mười hai nhập. Như kinh nói: “Tất cả pháp vô tướng, bình đẳng”.

2. Hành tướng của thứ tự Niệm. Như kinh nói: “Tất cả pháp vô sinh, bình đẳng”.

3. Hành tướng của thứ tự Sinh. Như kinh nói: “Tất cả pháp không thành, bình đẳng”.

4. Tướng nhiễm. Như kinh nói: “Tất cả pháp tịch tịnh, bình đẳng”.

5. Tướng tịnh. Như kinh nói: “Tất cả pháp bản tịnh, bình đẳng”.

6. Tướng phân biệt. Như kinh nói: “Tất cả pháp không hý luận, bình đẳng”.

7. Tướng hiện, ẩn. Như kinh nói: “Tất cả pháp không lấy bỏ, bình đẳng”.

8. Tướng ngã không phải có. Như kinh nói: “Tất cả pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, trăng trong nước, bóng trong gương, dợn nắng, đều bình đẳng”.

9. Tướng thành hoại. Như kinh nói: “Tất cả pháp có-không và không hai, đều bình đẳng”.

- Dứt trừ cấu uế: là xa lìa cấu nhiễm chướng ngại.

- Tùy thuận: là thuận theo pháp chân như bình đẳng.

- Không phân biệt: tức là không sinh ý tưởng phân biệt.

- Sáng tỏ thông suốt: là đối trị các mạn vi tế. Trong hai địa trước thì đối trị mạn trong phần thô.

- Đạt được Nhẫn thuận trong sự mềm dịu: là thuận theo pháp Nhẫn vô sinh.

- Chưa đạt được pháp Nhẫn vô sinh: Nhẫn này thuận với Nhẫn vô sinh mà không phải là Nhẫn vô sinh.

Đó gọi là Phân biệt dùng pháp nhiễm-tịnh để đối trị mạn.

Thế nào là thù thắng do hành đạo không trú?

**Kinh:** “Bồ-tát ấy, quán xét về tướng của tất cả pháp như vậy, tùy thuận để đạt đến, lại dùng Đại Bi thù thắng làm đầu, tâm Đại Bi tăng trưởng, khiến cho Đại Bi đầy đủ, quán xét sự sinh-diệt của thế gian”.

**Luận:**

Bồ-tát ấy quán xét về tướng của tất cả pháp như vậy, tùy thuận để đạt đến là đạt đến chỗ thù thắng do hành đạo không trú.

Thù thắng do hành đạo không trú là sự thù thắng do tâm Đại Bi thâm nhiếp, không bỏ tất cả chúng sinh trong ba đời. Là trí thanh tịnh trong tất cả pháp đã được nhận thức. Là quán về hết thấy các loại nhân duyên vi tế tích tập, là không trú vào thế gian và Niết-bàn. Như kinh nói: “Lại dùng tâm Đại Bi thù thắng làm đầu... cho đến quán xét sự sinh diệt của thế gian”.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy quán xét về sự sinh diệt của thế gian rồi, dấy lên ý niệm: Mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã. Nếu lia chấp ngã thì không còn sinh xứ nơi thế gian.

Bồ-tát lại khởi suy nghĩ: Các phàm phu này, do ngu si làm mù lòa cho nên tham chấp vào ngã, do không có trí cho nên bị tối tăm, chướng ngại, luôn cầu tìm có-không, thường theo niệm tà, hành sai lạc nơi đạo tà, tập khởi hành vọng, hành tội, hành phước, hành bất động. Vì các hành đó, nên khởi chủng tử của tâm, khởi tướng hữu lậu, hữu thủ, khởi thân sinh-bệnh-lão-tử nơi vị lai, lại sinh thân mạng đời sau, nghiệp là mảnh đất, bị vô minh che phủ, nước ái tưới nhuần làm cho tâm ngã tràn đầy, các loại màng lưới kiến chấp làm cho được tăng trưởng, sinh ra mầm danh-sắc, sinh rồi lớn dần. Danh, sắc tăng trưởng mà thành các căn. Các căn thành hình rồi thì lần lượt cùng đối nhau mà sinh Xúc. Xúc cùng đối nhau sinh Thọ. Chỗ mong cầu về sau của Thọ sinh Ái. Do có Ái mà sinh Thủ. Thủ thêm lớn thì sinh Hữu. Hữu thành rồi sinh thân năm Ấm. Thân năm Ấm tăng trưởng, nên ở trong năm đường dần dần suy biến, gọi là Lão. Lão suy biến và diệt gọi là Tử. Tử rồi, sinh các thứ nhiệt não, bởi vì nhiệt não cho nên sinh ra tất cả mọi nỗi ưu bi khổ não. Nhân duyên của tập này, không có tập mà tự nhiên tích tập, không có diệt mà tự nhiên hoại diệt. Bồ-tát ấy, tùy thuận quán xét như vậy về sự tích tập của nhân duyên”.

**Luận:**

Ở đây, mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian tức là trong năm đường vốn có mọi thứ sai biệt về sinh tử, gọi là sự sai biệt hiện có của thế gian. Nhân duyên tập này có ba loại môn quán,

nên biết:

1. Sai biệt của tướng thành đáp.
2. Sai biệt của đệ nhất nghĩa Đế.
3. Sai biệt của thế gian Đế.

Thế nào là sai biệt của Thành? Đầu tiên là nêu rõ về nhân duyên của tập để giải thích về nghĩa của vô ngã, xác nhận tất cả sự thọ thân và sinh xứ hiện có của thế gian, đều do tham chấp vào ngã. Nếu lìa chấp ngã thì không có sinh xứ của thế gian, là thành tựu nghĩa vô ngã. Nếu trong Đệ nhất nghĩa thật sự có tướng ngã, thì tâm chấp ngã tức là trí của Đệ nhất nghĩa, không nên ở nơi thế gian thọ thân, sinh tại sinh xứ. Lại nữa, nếu trong Đệ nhất nghĩa thật sự có tướng ngã, nếu lìa chấp ngã thì phải thường sinh nơi thế gian. Hiển bày về nghĩa này, như kinh nói: “Mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã...”.

Thế nào là sai biệt của Đáp? Nếu thật sự vô ngã thì vì sao mà chấp ngã? Ở đây, phải có vấn nạn này, thì tự mình đáp lại: Do ngu si làm cho mù lòa mà tham chấp vào ngã. Đó là chỉ rõ, như kinh nói: “Bồ-tát lại khởi suy nghĩ. Các phàm phu này do ngu si làm mù lòa cho nên tham chấp vào ngã...”. Như vậy thật sự không có ngã, theo thứ tự nào mà tham chấp vào ngã, có được sinh xứ-thọ thân và thời gian sống? Thành ở đây chỉ rõ, như kinh nói: “Do không có trí, bị tối tăm chướng ngại, luôn cầu tìm có-không”. Như vậy là đáp lại vấn nạn về sai biệt. Trong này:

- Không có trí... có-không; là mong cầu về thường-đoạn. Ở đây chỉ rõ vô minh-hữu ái là hai Hữu chi căn bản, luôn theo niệm tà, hành sai lạc nơi đạo tà, tập khởi hành vọng, hành tội, hành phước...

- Luôn theo niệm tà chỉ rõ về nhân của vô minh.

- Hành sai lạc nơi đạo tà chỉ rõ về hành không chân chánh đối với nơi chốn giải thoát.

- Tập khởi hành vọng chỉ rõ nghĩa thù thắng của Bồ-tát. Bồ-tát tuy hành nơi Hữu nhưng không gọi là hành vọng. Do hành này cho nên khởi chủng tử của tâm, khởi tướng hữu lậu, hữu thủ, cho đến tùy thuận quán xét về nhân duyên của tập. Trong này:

Khởi chủng tử của tâm: Tức chỉ rõ thể tánh của sinh-lão-tử.

Lại sinh thân mạng của đời sau là tùy thuận thâm nhiếp mà làm thành các hành tội, phước, nghiệp là mảnh đất. Trước nói do không có trí, bị tối tăm chướng ngại, vô minh che phủ, luôn cầu tìm có-không, nước ái tưới nhuần. Luôn luôn như vậy, sinh tâm như vậy, ngã là ngã sở, ngã tướng là mạn ngã sinh hay chẳng sinh với đủ loại màng lưới của

kiến chấp như vậy.

Tự nhiên mà diệt; là tánh tự diệt chứ chẳng phải là duyên của trí diệt.

Như vậy thì đáp lại vấn nạn về nhân duyên của tập, giải thích của về nghĩa vô ngã xong. Thế nào là tướng sai biệt? Nếu nhân duyên là vô ngã thì vì tướng gì mà trú nơi hành nhân duyên của tập?

**Kinh:** “Bồ-tát ấy lại khởi suy nghĩ: Không nhận biết đúng như thật về Đệ nhất nghĩa của các Đế, cho nên gọi là Vô minh. Vô minh đã tạo ra nghiệp quả thì đó gọi là Hành. Dựa vào Hành có Tâm thức ban đầu và Thức cùng sinh có bốn Thọ Ấm gọi là Danh sắc. Danh sắc tăng trưởng mà có sáu Nhập. Căn-Trần-Thức là ba loại hòa hợp sinh ra Xúc hữu lậu. Xúc cùng sinh nên có thọ. Thọ nhiễm chấp cho nên gọi là Ái. Ái tăng trưởng cho nên gọi là Thủ. Từ Thủ dấy khởi nghiệp hữu lậu, gọi là Hữu. Nghiệp Hữu có quả báo gọi là Sinh. Sinh Ấm tăng trưởng, suy kém, biến đổi gọi là Lão. Lão rồi thì Ấm hoại gọi là Tử. Lúc Tử biệt ly thì người ngu với tâm tham chấp chấy bùng lên gọi là Ưu, phát ra tiếng gào khóc gọi là Bi. Năm căn cùng đối nhau gọi là Khổ. Ý căn cùng đối gọi là Ưu. Ưu khổ càng nhiều thì gọi là Não. Như vậy, chỉ có cây khổ tăng trưởng chứ không có người tạo ra. Bồ-tát dấy khởi ý niệm: Nếu có người tạo thì có sự việc được tạo. Nếu không có người tạo tác thì không có sự việc được tạo ra. Trong Đệ nhất nghĩa, không có người tạo, không có sự việc được tạo”.

**Luận:** Trong đoạn này:

Vô minh tạo ra nghiệp quả; tức là Danh sắc. Trong ấy, Thức dựa vào Danh sắc. Danh sắc và Thức cùng sinh. Thức mà Danh sắc lần lượt cùng dựa vào nhau.

Nếu không có người tạo tác thì trong đó, phân biệt về sự việc được tạo tác cũng không. Đây là nói về phần nhân duyên tích tập mà có.

Tự thể không có sự việc được tạo tác, đó gọi là phần Hữu, quán về thứ tự của nhân duyên tích tập.

Thế nào là sai biệt của đệ nhất nghĩa Đế? (Môn Quán thứ hai về nhân duyên tập) Như vậy, chứng đắc về đệ nhất nghĩa Đế thì được giải thoát khỏi quán xét kia.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy khởi lên suy nghĩ: Ba cõi đều hư vọng, chỉ là một tâm tạo”.

**Luận:**

Chỉ là một tâm tạo; tức là tất cả ba cõi chỉ do tâm chuyển biến.

Thế nào là sai biệt của thế gian Đế? (Môn quán thứ ba...) Tùy

thuận quán về thế gian Đế tức là hội nhập với đệ nhất nghĩa Đế. Quán này có sáu loại:

1. Quán thế nào là nhiễm? Là chỗ nương dựa của nhiễm?
2. Quán về nhân.
3. Quán chỗ thâm nhiếp lỗi lầm.
4. Quán chỗ ngăn chặn lỗi lầm.
5. Quán chỗ nhằm chán không nhằm chán.
6. Quán phần sâu xa.

Ở đây, quán về chỗ nương dựa của nhiễm là phần Hữu của nhân duyên dựa vào một tâm.

**Kinh:** “Như Lai thuyết giảng về phần mười hai nhân duyên đều dựa vào một Tâm. Vì sao? Vì tùy theo tham dục cùng Tâm sinh, tức là Thức, là Hành. Hành lừa dối Tâm cho nên gọi là Vô minh. Vô minh cùng Tâm sinh gọi là Danh sắc. Danh sắc tăng trưởng gọi là Sáu nhập. Sáu nhập từng phần gọi là Xúc. Xúc cùng sinh gọi là Thọ. Thọ rồi không biết chán đủ gọi là Ái. Ái thâm nhiếp không bỏ gọi là Thủ. Ở đây có phần hòa hợp sinh Hữu. Hữu dấy khởi gọi là Sinh. Sinh biến đổi, chín muồi gọi là Lão. Lão hủy hoại gọi là Tử”.

**Luận:** Đây là sự sai biệt của hai Đế. Một tâm tạp nhiễm, hòa hợp nơi nhân duyên tích tập, nên quán về điều ấy. Quán về nhân có hai loại:

1. Quán về nhân của kẻ khác.
2. Quán về nhân của chính mình.

Thế nào là quán về nhân của kẻ khác?

**Kinh:** “Trong ấy, Vô minh có hai loại tạo tác:

1. Si trong duyên khiến cho chúng sinh mê lầm.
2. Làm nhân cho Hành.

Hành cũng có hai loại tạo tác:

1. Sinh quả báo của đời vị lai.
2. Làm nhân cho Thức.

Thức cũng có hai loại tạo tác:

1. Có thể khiến cho có sự tương tục.
2. Làm nhân cho Danh sắc.

Danh sắc cũng có hai loại tạo tác:

1. Hỗ trợ để thành tựu lẫn nhau.
2. Làm nhân cho sáu Nhập.

Sáu nhập cũng có hai loại tạo tác:

1. Chủ thể duyên với sáu Trần.

2. Làm nhân cho Xúc.

Xúc cũng có hai loại tạo tác:

1. Chủ thể xúc chạm nơi được duyên.

2. Làm nhân cho Thọ.

Thọ cũng có hai loại tạo tác:

1. Nhận biết về các việc yêu-ghét.

2. Làm nhân cho Ái.

Ái cũng có hai loại tạo tác:

1. Ở trong chỗ có thể nhiễm mà sinh tâm tham.

2. Làm nhân cho Thủ.

Thủ cũng có hai loại tạo tác:

1. Làm tăng trưởng phiền não cấu nhiễm, trói buộc.

2. Làm nhân cho Hữu.

Hữu cũng có hai loại tạo tác:

1. Có thể sinh ở trong các cõi khác.

2. Làm nhân cho Sinh.

Sinh cũng có hai loại tạo tác:

1. Làm tăng trưởng năm Ấm.

2. Làm nhân cho Lão.

Lão cũng có hai loại tạo tác:

1. Khiến cho các căn chín muồi.

2. Làm nhân cho Tử.

Tử cũng có hai loại tạo tác:

1. Huỷ hoại thân năm Ấm.

2. Do không thấy biết mà khiến cho sự tương tục không

dứt”.

**Luận:**

Ở đây, hủy hoại thân năm ấm, do không thấy biết mà khiến cho sự tương tục không dứt: Hoại năm ấm, có thể làm nhân cho đời sau. Do không thấy biết cho nên có thể làm nhân của đời sau. Đó gọi là quán về nhân của kẻ khác.

Thế nào là quán về nhân của chính mình? Vô minh... là từ nhân mà sinh nhân, cho nên quán về sự việc của duyên. Thế nào là nhân của vô minh duyên hành không gián đoạn, hỗ trợ thành?

**Kinh:** “Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn mà hỗ trợ để thành Hành.

Hành duyên Thức là nhân của Hành duyên vào khiến cho Thức không đoạn mà hỗ trợ thành Thức.

Thức duyên Danh sắc là nhân của Thức duyên vào khiến cho Danh sắc không đoạn, hỗ trợ thành Danh sắc.

Danh sắc duyên sáu Nhập là nhân của Danh sắc duyên vào khiến cho sáu Nhập không đoạn, hỗ trợ thành sáu Nhập.

Sáu Nhập duyên Xúc... cho đến Sinh duyên Lão, Tử; là nhân của Sinh duyên vào khiến cho Lão-Tử không mà đoạn hỗ trợ thành Lão, Tử.

Vô minh diệt thì Hành diệt; là nhân duyên của Vô minh đã không, nên Hành diệt, không hỗ trợ thành... cho đến Sinh diệt thì Lão, Tử diệt; là nhân duyên của Sinh đã không, cho nên Lão-Tử diệt mà không hỗ trợ thành”.

### Luận:

Vô minh duyên Hành: là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn, hỗ trợ thành Hành. Vô minh có hai loại:

1. Lúc còn là chủng tử.
2. Lúc đã kết thành quả.

Ở đây, lúc còn là chủng tử, khiến cho Hành không đoạn có hai loại nghĩa, chỉ rõ về việc Duyên. Như vậy, các nhân duyên khác, từng phần tự sinh nhân, có hai loại nghĩa về việc Duyên, nên biết.

Quán về nhân của chính mình: là quán không lìa bỏ lẫn nhau. Quán nếu lìa chi trước thì không có chi sau. Quán không lìa Vô minh thì thành Hành. Nếu không lìa Vô minh mà có Hành thì không nên nói là Vô minh duyên Hành. Nếu lìa Vô minh mà có Hành, thành tự, thì sai khác mà không thành. Vì vậy kệ nói:

*Pháp do các duyên sinh,  
Vậy thì chẳng là nhân,  
Cũng lại chẳng nhân khác,  
Không đoạn cũng không thường.*

Quán nhân duyên tự sinh, như trước đã nói.

Vô minh có hai loại:

1. Lúc còn là chủng tử.
2. Lúc đã kết thành quả.

Hành cho đến Lão-Tử cũng như vậy. Thời gian trước và thời gian sau diệt đi, thì thời gian giữa cũng không có, vì vậy không nói đến.

Thế nào là Quán về chỗ thâm nhiếp lỗi lầm? Đó là ba nẻo thâm nhiếp nhân khổ quả khổ.

**Kinh:** “Ở đây, ba phần Vô minh-Ái-Thủ không đoạn là nẻo của phiền não. Hai phần Hành, Hữu không đoạn là nẻo của nghiệp. Các



phần Nhân duyên còn lại, không đoạn là nẻo của khổ.

Thời gian trước-sau tương tục không đoạn, cho nên ba nẻo ấy không đoạn. Như vậy, ba nẻo ấy là ngã, ngã sở, chỉ có sinh diệt, cho nên giống như bố trí”.

**Luận:**

Thế nào là Quán chỗ ngăn chặn lỗi lầm? Nếu nói nhân duyên sinh thì phân biệt có ba loại lỗi lầm:

1. Lỗi về tất cả thân cùng sinh một lúc. Vì sao? Vì không có nhân khác.
2. Lỗi về tự nghiệp không thọ báo. Vì sao? Vì không có người tạo.
3. Lỗi do mất nghiệp. Vì sao? Vì chưa thọ nhận quả mà nghiệp đã diệt.

Ba loại lỗi này dùng sự nhận thức về nhân khác của đời quá khứ để đáp, cho nên quả báo của sự thọ sinh có sai biệt.

**Kinh:** “Vô minh duyên Hành là thấy sự việc của đời quá khứ. Thức-Danh sắc-sáu Nhập-Xúc-Thọ là thấy sự việc của đời hiện tại. Ái-Thủ-Hữu-Sinh-Lão Tử là thấy sự việc của đời vị lai. Đối với điều này thấy có sự chuyển biến của ba đời. Vô minh diệt cho nên các Hành diệt, gọi là giải thích về sự đoạn dứt của nhân duyên tương tục.

**Luận:**

Vô minh duyên Hành tức là thấy sự việc đời quá khứ; tức là sinh của hiện tại là sự tạo tác từ quá khứ. Quả của hiện tại tức là sinh của vị lai, là nghĩa về thấy nhân của đời quá khứ.

Thức cho đến Thọ là thấy sự việc đời hiện tại; tức là trong đời quá khứ, tùy theo nghiệp vốn có, nghiệp ấy nhận lấy quả báo của Thức... nơi hiện tại. Lại có thể nhận lấy quả báo của vị lai.

Ái-Thủ-Hữu... là thấy sự việc đời vị lai; lại có sinh, toàn bộ được định rõ.

Đối với điều này thấy có sự chuyển biến của ba đời; lại có sự chuyển sinh của đời sau.

Nói như vậy có nghĩa gì? Có ba loại nghĩa. Nghiệp quá khứ không thọ báo, hoặc có lúc chưa làm hoặc đã làm mà chưa thọ báo, hoặc được đối trị đoạn trừ. Trong ấy, Vô minh duyên Hành là chỉ rõ về sự tạo tác. Hành duyên Thức cho đến Xúc-Thọ, tức chỉ rõ sự tạo tác ấy đã thọ nhận báo. Ái-Thủ-Hữu không đoạn, ở đây là chỉ rõ về không được đối trị. Nếu đoạn Ái-Thủ, tuy có tạo nghiệp, thì Vô minh duyên Hành không thể sinh Hữu. Vì thế các nghiệp, có trường hợp đã tạo, chưa tạo,

có trường hợp thọ nhận quả, chưa thọ nhận quả, có trường hợp đã đoạn-chưa đoạn. Nếu như vậy thì không có lỗi về tất cả thân cùng sinh một lúc. Như vậy, chẳng phải là hết thảy các nghiệp thì thọ nhận quả đương lai, cũng chẳng phải là không thọ, cũng không phải là một lúc. Nếu tự tạo nghiệp thì quả báo không mất, chẳng phải là thân người khác thọ. Như vậy thì không có lỗi về tự nghiệp không thọ nhận báo, vì người khác không tạo. Lìa ba sự nơi nghiệp nhất định thọ nhận quả, không mất. Nếu như vậy thì không có lỗi do mất nghiệp. Đó gọi là chỉ rõ về chỗ ngăn chặn ba loại lỗi.

Thế nào là quán về nhàm chán-không nhàm chán? Tức là phân biệt, nhàm chán về vô số các khổ vi tế. Mọi thọ nhận hiện có đều là khổ, nên cùng nhàm chán vô số các khổ thô trọng.

**Kinh:** “Mười hai phần Nhân duyên gọi là ba khổ. Trong đó, Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, sáu nhập gọi là Hành khổ. Xúc-Thọ gọi là Khổ khổ. Các phần Nhân duyên còn lại gọi là Hoại khổ. Vô minh diệt cho nên Hành diệt, cho đến Sinh diệt mà Lão Tử diệt, gọi là nói về việc đoạn trừ ba khổ tương tục”.

**Luận:** Thế nào là quán sâu xa?

**Kinh:** “Nhân của Vô minh duyên Hành sinh thì nhân duyên có thể sinh Hành. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt thì Hành không còn. Phần còn lại cũng như vậy. Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về diệt bỏ trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận quán Hữu. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về tùy thuận quán tận cùng Vô sở hữu. Phần còn lại cũng như vậy”.

**Luận:** Quán sâu xa có bốn loại:

1. Phần Hữu, không phải kẻ khác tạo mà từ nhân sinh ra.
2. Chẳng phải là tự tạo tác mà do duyên sinh. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành sinh thì nhân duyên có thể sinh Hành. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt...”.
3. Chẳng phải cả hai tạo tác mà chỉ tùy thuận sinh. Vì không nhận biết cho nên khi tạo tác chẳng trú. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về trói buộc được diệt trừ. Phần còn lại cũng như vậy”.
4. Không phải là không có nhân tạo tác mà tùy thuận nên có. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận quán

Hữu. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt thì Hành diệt là nói về tùy thuận quán tận cùng Vô sở hữu. Phần còn lại cũng như vậy”.

Nếu không có nhân sinh thì sinh phải thường sinh chứ, không phải là không sinh, bởi vì không có nhân nhất định cho nên cũng có thể luôn luôn không sinh. Vì sao? Vì không có nhân sinh. Đây chẳng phải là điều ưa thích của pháp Phật. Nếu như vậy, tùy thuận quán hữu thì có nhân chứ, không phải là không có nhân. Nếu không có nhân thì không thể nói là tùy thuận có. Đó gọi là mười loại quán về nhân duyên tích tập, quán về chỗ sai biệt của đế tướng đã nói.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy đã quán mười loại nghịch thuận về pháp nhân duyên tích tập như vậy, đó là thứ tự của phần nhân duyên, là chỗ thâm nhiếp của nhất tâm, là tự nghiệp thành tựu, là không lia bỏ lẫn nhau là ba não không đoạn, là quán về thời gian trước sau, là ba khổ tích tập, là nhân duyên sinh, là nhân duyên sinh diệt trừ trói buộc, là tùy thuận quán tận cùng về Hữu”.

**Luận:** Lại có hai loại quán khác:

1. Quán Đại Bi tùy thuận.
2. Quán phân biệt trí Nhất thiết tướng.

Quán Đại Bi tùy thuận có bốn loại:

1. Ngu si điên đảo.
2. Ở xứ khác cầu giải thoát.
3. Dị đạo cầu giải thoát.
4. Cầu giải thoát khác.

- Thế nào là ngu si, điên đảo? Tức là tùy theo nơi chốn chấp trước, quán xét các sự việc ngu si, điên đảo, do chấp trước vào ngã, mà tất cả xứ thọ sinh xa lìa thì không có sinh.

Thế nào là ngu si vô minh tam tối? Như kinh nói: “Bồ-tát ấy quán xét về sự sinh diệt của thế gian rồi, dấy lên ý niệm: Mọi sự sai biệt về sinh thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian, đều do tham chấp về ngã...”.

Ngu si làm mù lòa cho nên tham chấp vào ngã, điên đảo cùng với điên đảo nghi hoặc trong chi tướng Hữu như vậy. Như kinh nói: “Bồ-tát lại khởi suy nghĩ: Các phàm phu này do ngu si làm mù lòa...”.

- Thế nào là ở xứ khác cầu giải thoát? Tức là các phàm phu ấy, do ngu si điên đảo như vậy, nên thường ở trong thức A-lê-da và thức A-đà-na mà cầu giải thoát, chính là ở trong ngã-ngã sở của xứ khác mà cầu giải thoát. Đối trị điều này, như kinh nói: “Bồ-tát ấy khởi lên suy nghĩ: Ba cõi đều hư vọng, chỉ là một tâm tạo...”.

- Thế nào là dị đạo cầu giải thoát? Tức là ở trong nhân điên đảo mà cầu giải thoát. Nhân điên đảo có ba loại: Nhân của tánh. Nhân của cõi Tự Tại Thiên. Nhân của khổ hạnh và không có nhân. Không nên cầu như vậy. Vì sao? Vì chi Hữu của nhân duyên có hai loại nghiệp có thể dấy khởi các nhân duyên. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh có hai loại tạo tác: Một là si trong duyên khiến cho chúng sinh mê lầm, hai là làm nhân cho Hành...”. Nhân tự sinh. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn mà hỗ trợ để thành Hành...”. Nhân của nghiệp-phiền não vọng tưởng, chẳng phải là nhân an lạc. Như kinh nói: “Trong đó, ba phần Vô minh-Ái-Thủ không đoạn là Nẻo phiền não”. Như vậy... là nhân của thời gian trước-giữa, và nhân của thời gian giữa-sau, thời gian giữa của hai thời gian trước sau. Như kinh nói: “Trong đó, nhân Vô minh duyên Hành là thấy rõ sự việc của đời quá khứ”. Nếu không có các sự việc như vậy thì các loại chúng sinh cũng không có.

- Thế nào là cầu giải thoát khác? Giải thoát chân chánh có bốn loại tướng:

1. Tướng lìa tất cả khổ.
2. Tướng vô vi.
3. Tướng xa lìa cấu nhiễm.
4. Tướng xuất thế gian.

Giải thoát kia vẫn còn bị các hành khổ theo đuổi, kể cả cõi Vô sắc cũng còn bị trói buộc. Như kinh nói: “Mười hai phần Nhân duyên gọi là ba khổ. Vô minh-Hành cho đến sáu Nhập gọi là Hành khổ”. Nhân duyên sinh như vậy, như kinh nói: “Trong đó, nhân duyên của Vô minh, nhân duyên của Hành có thể sinh Hành. Các phần khác cũng vậy”. Như vậy, lại nhiễm mà sinh trói buộc, như kinh nói: “Trong đó, Vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Các phần khác cũng như vậy”. Như vậy, tùy thuận Hữu, cầu giải thoát nơi cõi Vô sắc. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên với Hành là nói về tùy thuận quán Hữu. Phần khác cũng như vậy”.

Như vậy đã nói về quán Đại Bi tùy thuận với nhân duyên tích tập.

Quán phân biệt về trí Nhất thiết tướng. Có chín loại:

1. Quán phân biệt về nhiễm, tịnh; tức là các thứ nhiễm, tịnh như chấp ngã mạn, lìa ngã mạn. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy quán về thế gian sinh diệt rồi, khởi suy niệm: Mọi sự sai biệt về thọ thân và sinh xứ hiện có nơi thế gian, đều do tham chấp vào ngã...”.

2. Quán về sự nương dựa; tức là quán nhân duyên tích tập ấy dựa vào những pháp gì? Như kinh nói: “Bồ-tát này lại suy niệm: Không nhận biết đúng như thật về Đệ nhất nghĩa của các Đế cho nên gọi là Vô minh...”.

3. Quán về phương tiện; tức là quán về chi Hữu của nhân duyên có hai loại nghiệp có thể khởi các nhân duyên. Như kinh nói: “Trong đó, vô minh có hai loại tạo tác...”.

4. Quán về tướng nhân duyên; tức là như chi Hữu không tạo tác. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên vào khiến cho Hành không đoạn...”.

5. Quán về nhập đế: Tức như quán về Tập đế của ba nẻo khổ (Nghiệp, Phiền não, Khổ). Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh- Ái-Thủ, ba phần không đoạn là Nẻo của phiền não...”.

6. Quán về chỗ tin nhập nương dựa của có lực và không lực; là như quán chỗ thù thắng của sự hóa độ trong thời gian trước-giữa-sau. Như kinh nói: “Vô minh duyên Hành là thấy rõ việc của đời quá khứ...”.

7. Quán về chỗ tin, nhập của Mạn tăng thượng và không Mạn tăng thượng; tức là như quán vì không nhận biết đúng như thật về khổ, ngã mạn, vi tế. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh-Hành, cho đến sáu Nhập gọi là Hành khổ...”.

8. Quán không có khởi đầu như thời gian giữa có nhân duyên sinh thì thời gian sau sinh, tùy thuận vào trói buộc. Như kinh nói: “Nhân duyên của Vô minh, nhân duyên của Hành... Nhân của vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc...”.

9. Quán về các loại; là quán tùy thuận Hữu đối với Ái của ba cõi. Như kinh nói: “Nhân Vô minh duyên Hành là nói về quán tùy thuận Hữu. Phần khác cũng như vậy”.

Như vậy đã nói về sự thù thắng của việc hành đạo không trú (Phần hai). Tiếp theo là nói về Quả thù thắng ấy (Phần ba). Có năm thứ tướng:

1. Thù thắng do đạt được Hành đối trị cùng thù thắng do lìa chướng.

2. Thù thắng do tu hành, chứng đắc.

3. Thù thắng do đạt được Tam-muội.

4. Thù thắng do đạt được tâm bất hoại.

5. Thù thắng do đạt được diệu lực tự tại.

Thế nào là thù thắng do đạt được Hành đối trị? Tức là ba môn giải thoát.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy, hành mười loại quán về nhân duyên tích tập rồi, thấy rõ là không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh, tự tánh là Không, lìa mọi sự tạo tác-thọ nhận. Khi quán xét như vậy, thì môn giải thoát Không sinh khởi hiện tiền. Bồ-tát ấy, quán về chi Hữu kia là tự tánh diệt cho nên giải thoát luôn hiện tiền, thấy rõ nơi chốn của nhân duyên không một tướng của pháp nào có thể sinh. Như vậy, không thấy tướng của pháp cho nên môn giải thoát Vô tướng sinh khởi hiện tiền. Bồ-tát ấy, như vậy hội nhập với Không và Vô tướng, không sinh nguyện ưa thích, chỉ dùng Đại Bi làm đầu để giáo hóa chúng sinh. Như vậy, môn giải thoát Vô nguyện sinh khởi, hiện tiền. Bồ-tát này, tu hành ba môn giải thoát ấy, lìa tướng ta-người, lìa bỏ tướng tạo tác-thọ nhận, lìa bỏ tướng có, không”.

**Luận:**

Môn giải thoát Không ở đây, nói có ba loại tướng:

1. Thấy chúng sinh là vô ngã.
2. Thấy pháp là vô ngã.
3. Đối với hai loại ấy (Chúng sinh, pháp) đều trở thành vô kiến, vô tác. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, hành mười loại quán về nhân duyên tích tập rồi, thấy rõ không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh, tự tánh là Không...”.

Thấy chúng sinh là vô ngã là không có ngã, không có thọ mạng, không có chúng sinh. Câu này chỉ rõ về thấy pháp là vô ngã.

Tự tánh là Không, câu này chỉ rõ: Đối với hai loại kia đều trở thành vô kiến, vô tác. Thấy chúng sinh và pháp không có sự tạo tác, vì không có người tạo tác, cho nên sự việc tạo tác cũng không.

Không thấy sự tạo tác-lìa tạo tác-thọ nhận; câu này chỉ rõ về môn giải thoát Vô tướng, cũng có ba loại tướng:

1. Diệt trừ chướng.
2. Đạt được đối trị.
3. Niệm tướng không hành.

Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, quán về chi Hữu kia là tự tánh diệt cho nên giải thoát luôn hiện tiền, thấy rõ nơi chốn của nhân duyên không có tướng của một pháp nào có thể sinh...”.

Diệt trừ chướng là quán về chi Hữu kia là tự tánh diệt. Câu này chỉ rõ về “Đạt được đối trị”. Nên giải thoát luôn hiện tiền. Câu này chỉ rõ về “Niệm tướng không hành”.

Thấy rõ nơi chốn của nhân duyên... Câu này chỉ rõ về môn giải thoát Vô nguyện, cũng nói có ba loại tướng:

1. Nương dựa.
2. Thể tánh.
3. Thù thắng.

Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, như vậy hội nhập với Không và Vô tướng, không sinh nguyện ưa thích, chỉ lấy Đại Bi làm đầu...”. Trong đó, hội nhập với Không, với Vô tướng thì gọi là Nương dựa. Nhờ nương dựa như vậy cho nên có thể thành tựu Vô nguyện, không sinh nguyện ưa thích. Không sinh nguyện ưa thích, gọi là Thể của Vô nguyện. Đại Bi làm đầu để giáo hóa chúng sinh, đó là sự thù thắng. Hàng Thanh văn cũng có “Không sinh nguyện ưa thích”, nhưng đối với Thể của Vô nguyện lại xa lìa Đại Bi, không ưa thích giáo hóa chúng sinh.

Thù thắng của diệt trừ chướng; là lìa ba loại tướng. Như kinh nói: “Bồ-tát tu hành ba môn giải thoát ấy, lìa bỏ tướng ta-người, lìa bỏ tướng tạo tác-thọ nhận, lìa bỏ tướng có, không”.

Thứ tự như vậy, ở trong năm địa, tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng xa lìa. Ở trong bốn địa xa lìa các tướng hiện-ẩn và trong sáu địa này là pháp bình đẳng xa lìa.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy, tâm Đại Bi chuyển sang, do quý trọng Đại Bi, siêng năng hành trì tinh tấn, chưa viên mãn các pháp trợ Bồ-đề phần thì mong khiến đạt đầy đủ. Bồ-tát khởi lên suy nghĩ: Hữu vi hòa hợp, hành lìa hòa hợp, không hành với các duyên đầy đủ, hành không đầy đủ cho nên không hành. Chỉ riêng mình nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm, không nên hòa hợp đủ các nhân duyên, cũng không dứt bỏ hoàn toàn pháp hữu vi, vì lợi ích giáo hóa chúng sinh.

Này các Phật tử! Bồ-tát nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm như vậy, lìa tự tánh mà quán tự tánh không sinh-không diệt. Bồ-tát ấy hành quán như vậy rồi, khởi tâm Đại Bi, không xả bỏ tất cả chúng sinh, tức thì đạt được môn trí không chướng ngại, hiện tiền, gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ, hiện tiền. Bồ-tát này thành tựu hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền, soi chiếu như vậy rồi, làm nhân duyên viên mãn pháp trợ Bồ-đề phần nhưng không cùng trú với pháp hữu vi, quán tướng tịch diệt nơi tánh của pháp hữu vi, cũng không trú trong đó, chỉ muốn đầy đủ pháp phần Bồ-đề vô thượng”.

**Luận:**

Thù thắng do tu hành chứng đắc, có hai loại tu hành:

1. Tu hành do phát khởi dũng mãnh.
2. Tu hành do khởi chí trợng phụ.

Tu hành do phát khởi dũng mãnh; tức là nhận biết pháp hữu vi có

nhiều lỗi lầm, xa lìa chỗ tạo nghiệp phiền não cùng mọi sự trói buộc, tạo lợi ích thù thắng cho chúng sinh. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, tâm Đại Bi chuyển sang”.

Tu hành do khởi chí trượng phu; tức là quán đối chiếu sự nhàm chán, quán thấy rõ nhiều lỗi lầm, mà diệt trừ đối. Quán tự tánh cùng tướng đều không. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Bồ-tát nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm như vậy...”.

Thù thắng do tu hành; tức là thù thắng do trí và tâm Đại Bi tùy thuận. Dựa vào đạo không trú, hành theo môn trí không chướng ngại luôn hiện tiền, hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền, chứng biết pháp hữu vi và Niết-bàn bình đẳng, Bồ-tát không trú cả hai, vì đối với các pháp phân trợ đạo, Bồ-tát hành trì chưa đầy đủ. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, hành quán như vậy rồi, khởi tâm Đại Bi, không xả bỏ tất cả chúng sinh...”.

Trí không chướng ngại; tức là trí của Như Lai. Nhưng ở đây vì chưa thành tựu, cho nên gọi là “Sáng tỏ, hiện tiền”.

Thế nào là thù thắng do đạt được Tam-muội? Đó là có mười môn Tam-muội không đều là hàng đầu, cùng với quyển thuộc của mình.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy, an trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, đạt được các loại Tam-muội:

1. Tín Không.
2. Tánh Không.
3. Đệ nhất nghĩa Không.
4. Đệ nhất Không.
5. Đại Không.
6. Hợp Không.
7. Khởi Không.
8. Như thật bất phân biệt Không.
9. Bất xả Không.
10. Đắc lìa-chẳng lìa Không.

Bồ-tát ấy, đạt được mười môn Tam-muội Không hàng đầu như vậy, với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Không luôn hiện tiền. Đạt được mười môn Tam-muội Vô tướng hàng đầu như vậy, với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Vô tướng luôn hiện tiền. Đạt được mười môn Tam-muội Vô nguyện hàng đầu như vậy, cùng với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Vô nguyện luôn hiện tiền”.

**Luận:**

Tam-muội Không này có bốn loại sai biệt:



1. Quán.
2. Không buông lung.
3. Được tăng thượng.
4. Làm nhân.

Trừ Tam-muội thứ tư (Đệ nhất không) có năm Tam-muội được gọi là Quán:

1. Quán chúng sinh vô ngã. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Tín Không”.
2. Quán pháp vô ngã. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Tánh Không”.
3. Quán chọn lấy không kia. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Đệ nhất nghĩa Không”.
4. Quán dựa vào Thức A-lê-da. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Đại Không”.
5. Quán Thức chuyển. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Hợp Không”.

Không buông lung là Tam-muội thứ tư, phân biệt, khéo tu hành, tu hành không chán đủ. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Đệ nhất Không”.

Được tăng thượng: Tam-muội thứ bảy (Khởi Không) đạt được công đức tăng thượng. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Khởi Không”.

Làm nhân là ba loại Tam-muội còn lại. Nhân làm thanh tịnh chướng ngại của trí, như kinh nói: “Đạt được Tam-muội Như thật bất phân biệt Không”. Nhân của việc giáo hóa chúng sinh, như kinh nói: “Đạt được Tam-muội Bất xả không” là nhân của việc chọn lấy cõi. Như kinh nói: “Đạt được Tam-muội Đắc lìa chẳng lìa không”. Nguyện chọn lấy cõi như vậy, xa lìa phiền não cấu uế mà tùy thuận nơi các cõi, nên gọi là “Lìa, chẳng lìa”.

Thế nào là thù thắng do đạt được Tâm bất hoại?

**Kinh:** “Bồ-tát ấy, an trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, lại chuyển sang, thành tựu đầy đủ các Tâm:

1. Bất hoại.
2. Quyết định.
3. Chân thật.
4. Sâu xa.
5. Không thoái chuyển.
6. Không ngừng nghỉ.
7. Thanh tịnh.
8. Vô biên.

## 9. Cầu trí.

## 10. Đầy đủ phương tiện trí hành”.

**Luận:**

Tâm bất hoại là kiên cố, không thoái chuyển. Tâm bất hoại này có chín loại:

1. Bất hoại do tin quán. Như kinh nói: “Tâm quyết định”.
2. Bất hoại do gắng sức thọ nhận, thuận hợp. Như kinh nói: “Tâm chân thật”.
3. Bất hoại do ở nơi chốn sâu xa không kinh sợ. Như kinh nói: “Tâm sâu xa”.
4. Bất hoại do ở nơi thừa của mình không động. Như kinh nói: “Tâm không thoái chuyển”.
5. Bất hoại do phát khởi tinh tấn. Như kinh nói: “Tâm không ngừng nghỉ”.
6. Bất hoại do lìa cấu nhiễm của tâm ý ganh ghét, phá giới. Như kinh nói: “Tâm thanh tịnh”.
7. Bất hoại do tạo lợi ích rộng khắp cho chúng sinh. Như kinh nói: “Tâm vô biên”.
8. Bất hoại do cầu đạt giải thoát thù thắng tối thượng. Như kinh nói: “Tâm cầu đạt trí”.
9. Bất hoại do hành hóa cứu độ chúng sinh. Như kinh nói: “Tâm đầy đủ phương tiện trí hành”.

Thế nào là thù thắng do đạt được diệu lực tự tại?

**Kinh:** “Bồ-tát ấy, như tâm của các bậc Bồ-tát, tùy thuận thành tựu, dốc lòng hướng tới đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Tinh tấn không thoái chuyển, thành tựu việc khiến cho tất cả dị luận của ngoại đạo đều không thể khuynh động. Thành tựu tùy thuận hội nhập cảnh giới các trí. Thành tựu xa lìa, làm xoay chuyển cảnh giới hàng Nhị thừa. Thành tựu quyết định toàn bộ hướng đến trí Phật. Thành tựu không thoái thất, khiến hết thảy các thứ ma phiền não không thể phá hoại. Thành tựu sự an trú vững chắc, khéo trú nơi trí tuệ sáng tỏ bậc Bồ-tát. Thành tựu sự an trú chính đáng, khéo tu tập hành trì các pháp Không-Vô tướng-Vô nguyện. Thành tựu sự hỗ trợ hành chân chánh của trí phương tiện quán xét. Thành tựu hành không bỏ tích tập các pháp trợ phần Bồ-đề. Bồ-tát ấy, trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, hành Bát nhã Ba-la-mật tăng thượng, thành tựu, đạt được thông suốt Nhẫn thứ ba là Thuận nhẫn, tùy thuận pháp như thật, không có chống trái”.

**Luận:**

Bồ-tát ấy, như tâm của các bậc Bồ-tát... dốc lòng hướng tới đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Tức là đạt được diệu lực thù thắng của hành Bát nhã Ba-la-mật, cho nên có thể hội nhập sâu xa, trong đó, diệu lực thù thắng có chín loại:

1. Diệu lực có khả năng hàng phục kẻ khác. Như kinh nói: “Tinh tấn không thoái chuyển...”.

2. Diệu lực có thể đoạn trừ các nghi. Như kinh nói: “Thành tựu tùy thuận hội nhập cảnh giới các trí”.

3. Diệu lực của tự Thừa không động. Như kinh nói: “Thành tựu xa lìa, làm xoay chuyển cảnh giới của hàng Nhị thừa”.

4. Diệu lực ở nơi chốn sâu xa quyết định tin tưởng. Như kinh nói: “Thành tựu quyết định toàn bộ hướng đến trí Phật”.

5. Diệu lực không tan hoại. Như kinh nói: “Thành tựu không thoái thất khiến các thứ ma phiến não không thể phá hoại”.

6. Diệu lực kiên cố, dựa vào sự đối trị các chướng phiến não được thanh tịnh. Như kinh nói: “Thành tựu sự an trú vững chắc”.

7. Diệu lực do đối trị rộng khắp. Như kinh nói: “Thành tựu sự an trú chánh đáng, khéo tu tập”.

8. Diệu lực do hóa độ chúng sinh. Như kinh nói: “Thành tựu sự hỗ trợ hành chân chánh của trí phương tiện quán xét”.

9. Diệu lực làm thanh tịnh mọi chướng ngại của trí. Như kinh nói: “Thành tựu hành không xả bỏ...”.

Các pháp ấy như trên đã nói, đều thuộc về diệu lực thù thắng.

**Kinh:** Nay các Phật tử! Bồ-tát ấy an trú nơi địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, Bồ-tát ấy được thấy nhiều trăm Phật... cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, được thấy nhiều ức Phật... cho đến nhiều trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, Bồ-tát ấy khi gặp chư Phật đều đem tâm hướng thượng, tâm sâu xa, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men... Dùng căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở nơi trú xứ của chư Phật sinh tâm cung kính tột bậc, một lòng nghe pháp, lãnh hội rồi thọ trì, lãnh hội-thọ trì xong thì đạt được Tam-muội Như thật, trí tuệ tỏa sáng, tùy thuận tu tập, hành trì rồi ghi nhớ, giữ gìn, trí tuệ càng trở nên thù thắng, lại đạt được tạng Pháp của chư Phật.

Bồ-tát ấy, an trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, ở nơi vô lượng

trăm kiếp... vô lượng ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn na-do-tha kiếp, vô lượng ức kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, các căn thiện kia luôn chuyển đổi, càng trở nên sáng, sạch thù thắng.

Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu, dùng lưu ly mài bóng thì ánh sáng màu sắc càng trở nên sáng, đẹp. Bồ-tát này cũng như vậy, trú trong địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát ấy, các căn thiện kia với trí phương tiện quán xét, càng trở nên thanh tịnh, sáng tỏ hơn hết, dần dần vắng lặng, thành tựu bất hoại. Ví như vầng sáng của mặt trăng tỏa chiếu nơi thân chúng sinh, khiến được mát mẻ, bốn loại gió thổi cũng không thể hủy hoại.

Này các Phật tử! Bồ-tát này cũng thế, trú nơi địa Hiện tiền của bậc Bồ-tát, các căn thiện kia có thể diệt trừ lửa phiền não của vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh, bốn loại đạo ma đều không thể phá hoại. Bồ-tát ấy, trong mười Ba-la-mật thì Bát nhã Ba-la-mật là tăng thượng, các pháp Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng mà tùy theo phần-theo sức.

Này các Phật tử! Đó gọi là lược nói về địa Hiện tiền, là Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát. Nếu Bồ-tát trú trong địa này nhiều lần làm Thiên vương cõi trời Hóa-lạc, mọi sự tạo tác hành hóa đều tự tại, khéo léo diệt trừ tâm ngã mạn của chúng sinh, khéo dùng pháp để xoay chuyển tâm ngã mạn ấy, các nghiệp thiện đã làm như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự, các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật-niệm Pháp niệm Tăng, niệm Bồ-tát và niệm hành của Bồ-tát... cho đến không lìa niệm về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, luôn khởi tâm này: Mình nên ở trong hết thảy chúng sinh, là người đứng đầu, là hơn, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô lượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm này mà phát khởi hành tinh tấn, do diệu lực của tinh tấn, cho nên trong khoảng một niệm, đạt được trăm ngàn ức Tam-muội, thấy trăm ngàn ức Phật, nhận biết trăm ngàn ức thần lực của Phật, có thể làm chuyển động trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể đi vào trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể soi chiếu trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể trú thọ trăm ngàn ức kiếp, có thể nhận biết sự việc trong trăm ngàn ức kiếp nơi đời quá khứ-vị lai, có thể khéo hội nhập trăm ngàn ức pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm ngàn ức thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn ức Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thù thắng tối

thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số thân thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng... cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết”.

**Luận:**

Lãnh hội, thọ trì rồi, đạt được Tam-muội Như thật, tùy thuận tu hành là đạt được nghĩa Đà-la-ni. Câu này chỉ rõ, là nhờ vào sự việc kia, cho nên nói, dựa vào Tam-muội thù thắng, đạt được các pháp Chỉ- Quán sáng tỏ, với nẻo hành trì hơn hẳn.

Hành rồi ghi nhớ, giữ gìn. Tức là có thể giữ gìn hành ấy.

Bồ-tát này trí tuệ càng trở nên thù thắng, cho đến. Các căn thiện kia càng được sáng, sạch là giải thoát khỏi mọi chướng ngại, chứng đắc diệu nghĩa kia.

Dụ về dùng lưu ly mài bóng vàng ròng; là chỉ rõ, trong địa này, trí xuất thế gian tăng thượng, ánh sáng của trí càng trở nên hơn hẳn. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu...”. Do trí không có chướng ngại hiện tiền, cho nên hành Bát nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền. Vì vậy gọi là địa Hiện tiền.

Trí phương tiện quán xét; là trí sáng tỏ do hành hóa đạo không trú.

Dụ về vầng sáng của mặt trăng; là chỉ rõ chỗ hơn so với trí của địa trước. Vầng nhỏ nhưng ánh sáng lớn. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vầng ánh sáng của mặt trăng... cho đến bốn loại đạo ma cũng không thể phá hoại”.

Đạo ma là thuận theo sự việc của ma, hành của ma. Các phần khác như trước đã nêu.

\* \* \* \* \*